



xù rì

旭日

Noun · Rising sun / dawn

Example Sentences

xù rì shēng qǐ lái le
旭日升起来了。

The morning sun is rising.

wǒ men yíng zhe xù rì kāi shǐ le xīn yì tiān de dēng shān lǚ chéng
我们迎着旭日，开始了新一天的登山旅程。

We started our new day's mountain climbing journey facing the rising sun.

qīng chén wǒ men kàn zhe xù rì cóng dōng fāng shēng qǐ
清晨，我们看着旭日从东方升起。

In the early morning, we watched the morning sun rise from the east.

Trace each character, then write the word on your own.

旭旭旭旭旭旭旭旭旭

日日日日日日日